|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /BC-BCT | Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2017 |

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

## THÁNG 01 NĂM 2017

###### I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

**1. Tình hình sản xuất**

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01 tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2016, *(đây là mức tăng thấp so với mức tăng 5,6% của tháng 01 năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu do tháng 01 năm 2017 có hai kỳ nghỉ Tết dương lịch và Tết Nguyên đán, trong khi đó kỳ nghỉ Tết Nguyên đán các năm 2014, 2015, 2016 rơi vào tháng 2)*, trong đó: công nghiệp khai khoáng giảm 13,9%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,7%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,0%; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 7,1% (Phụ lục 1).

Một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất tháng 1 tăng trưởng cao hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm trước là: dệt tăng 16% *(cùng kỳ chỉ tăng 12,1%)*, sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 14,8% *(cùng kỳ chỉ tăng 8,9%)*.

Tuy nhiên, một số ngành có chỉ số sản xuất tháng 1 tăng thấp hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm 2016 so với năm 2015 là: sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 7% *(thấp hơn 2,7 điểm phần trăm*), sản xuất kim loại tăng 10,7% *(thấp hơn 3,4 điểm phần trăm*), sản xuất xe có động cơ tăng 9,9% *(thấp hơn 6 điểm phần trăm*), sản xuất và phân phối điện tăng 5% *(thấp hơn 8,2 điểm phần trăm)*.

Một số ngành sản xuất giảm so với cùng kỳ: khai thác than cứng và than non giảm 5,3%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 16,9%; sản xuất hóa chất và sản phẩm của hóa chất giảm 4%... so với cùng kỳ.

Các sản phẩm công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng của toàn ngành: bia các loại tăng 9,2%, ti vi các loại tăng 35,2%, ô tô tăng 8,9%... Một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ như: dầu thô khai thác giảm 12,7%; khí đốt thiên nhiên giảm 23,5%, phân đạm ure giảm 10,6%; điện thoại di động giảm 14,9%... (Phụ lục 2).

**2. Tình hình tiêu thụ**

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12 tăng 11,1% so với tháng 12 năm 2015.Tính chung 12 tháng năm 2016, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2015.

Các ngành có chỉ số tiêu thụ tăng trưởng khá so với cùng kỳ: sản xuất đồ uống tăng 13,1%, dệt tăng 10,1%, sản xuất trang phục tăng 10,1%, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 10,1%, sản xuất kim loại tăng 12,9%, sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 8,6%, sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 16,4%; sản xuất xe có động cơ tăng 21%... Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng trưởng thấp so với cùng kỳ như: sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 2,8%, sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 3,2%, sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 2,5%... (Phụ lục 3).

**3. Tình hình tồn kho**

Tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, chỉ số tồn kho của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,3% so với cùng thời điểm năm 2016 (thấp hơn 0,9 điểm phần trăm so với cùng thời điểm năm 2016).

Trong đó, chỉ số tồn kho của một số ngành giảm so với cùng kỳ như: sản xuất trang phục giảm 5,6%, sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 7,8%, sản xuất thuốc, hóa dược giảm 15,8%... Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao hơn nhiều so với mức tăng chung: sản xuất chế biến thực phẩm tăng 20,2%, sản xuất đồ uống tăng 40,3%, sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 119,6%, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 35,1%, sản xuất xe có động cơ tăng 47,1%... (Phụ lục 4).

***Đánh giá chung:***Trong tháng 01, các đơn vị trong ngành đã tích cực triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2016  của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; tập trung giao và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2017. Sản xuất công nghiệp được duy trì và có tăng trưởng. Tuy nhiên, mức tăng trưởng thấp hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu do tháng 1 năm 2017 có hai kỳ nghỉ Tết dương lịch và Tết Nguyên đán, trong khi đó kỳ nghỉ Tết Nguyên đán các năm 2014, 2015, 2016 rơi vào tháng 2. Bên cạnh đó, ngành khai khoáng tiếp tục giảm 13,9% so với cùng kỳ năm 2016, cũng là nguyên nhân làm cho chỉ số sản xuất công nghiệp giảm so với cùng kỳ năm 2016.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12 và 12 tháng năm 2016 thấp hơn lần lượt 0,8 và 3,9 điểm phần trăm so với mức tăng của cùng kỳ năm 2015 so với năm 2014 cho thấy đầu ra của các sản phẩm công nghiệp vẫn gặp khó khăn.

Tồn kho ở mức thấp hơn 0,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2016. Cho thấy, tồn kho ở mức hợp lý, theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

**4. Tình hình sản xuất của một số ngành**

***4.1. Ngành năng lượng***

***- Ngành điện:*** Tháng 01 năm 2017, hệ thống điện vận hành ổn định, an toàn, đảm bảo chất lượng điện năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhân dân cả nước đón trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017. Về nguồn điện, các nhà máy thủy điện khai thác theo biểu đồ; các nhà máy nhiệt điện than và tua bin khí huy động cao để giữ mức nước các hồ thuỷ điện. Sản lượng điện tháng 01 ước đạt 13,8 tỷ kWh, tăng 2,9% so với cùng kỳ và điện thương phẩm ước đạt 13 tỷ kWh, tăng 7% so với cùng kỳ.

***- Ngành dầu khí:*** Tháng 01/2017, công tác tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí được triển khai tích cực ở cả trong nước và ngoài nước theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, sản lượng dầu thô khai thác tháng 1 ước đạt 1,4 triệu tấn, giảm 12,7% so với cùng kỳ năm 2016; khai thác khí đốt thiên nhiên ước đạt 0,8 tỷ m3, giảm 23,5%; khí hóa lỏng ước đạt 66,2 nghìn tấn, giảm 8,8% cùng kỳ.

***- Ngành Than và Khoáng sản:*** Trong tháng 1, ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành sản xuất theo nhu cầu thị trường, tiếp tục hoàn thiện tái cơ cấu, đổi mới công nghệ, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động để tăng năng suất, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm.

Sản lượng than sạch tháng 1, ước đạt 3,37 triệu tấn, giảm 5,3% so với cùng kỳ; alumin ước đạt 42 nghìn tấn, tăng 10,9%.

***4.2. Ngành Công nghiệp nặng***

***- Ngành thép:*** Tháng 1 năm 2017, sản lượng sắt thép thô ước đạt 431,4 nghìn tấn, tăng 7,5% so với cùng kỳ; thép cán ước đạt 490,9 nghìn tấn, tăng 22,3% so với cùng kỳ; thép thanh, thép góc ước đạt 400 nghìn tấn, tăng 6,8% so với cùng kỳ. Mặt hàng thép nhập khẩu các loại tháng 1 ước giảm 10,2% về số lượng nhưng tăng 29,9% về kim ngạch so với cùng kỳ.

Các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước có khả năng đáp ứng tới một nửa nhu cầu của thị trường, song sắt thép trong nước vẫn liên tục phải cạnh tranh về giá với các sản phẩm cùng loại của Trung Quốc ồ ạt tràn vào Việt Nam khiến các doanh nghiệp sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn.

Do vậy, nhằm ngăn chặn khối lượng phôi thép, thép dài nhập khẩu tăng mạnh trong thời gian gần đây, Bộ Công Thương đã ban hành các biện pháp tự vệ tạm thời để bảo vệ các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Sau các biện pháp tự vệ tạm thời, Bộ Công Thương đã áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với hai mặt hàng này. Theo đó, thuế suất nhập khẩu đối với phôi thép nhập khẩu vào Việt Nam sẽ là 21,3% trong vòng 1 năm, từ ngày 22/3/2017 đến 21/3/2018. Thuế suất này sẽ lần lượt giảm về 19,3% và 17,3% vào các năm tiếp theo và từ 22/3/2020 trở đi, thuế suất sẽ về 0%.

***- Ngành phân bón, hoá chất***: Tháng 1, sản lượng phân đạm urê ước đạt 159,9 nghìn tấn, giảm 10,6% so với cùng kỳ; phân NPK khoảng 193,2 nghìn tấn, giảm 4,2% so cùng kỳ. Lượng phân bón nhập khẩu tăng 7,1% về số lượng và 2,7% về kim ngạch so với cùng kỳ.

Trong thời gian tới, giá phân bón sẽ phụ thuộc vào diễn biến mùa vụ, hiện giá nông sản thấp và giá dầu (mặt hàng có tác động đến phân bón) ở mức thấp do đó dự báo giá phân bón không tăng.

***- Ngành cơ khí, điện, điện tử:*** Tháng 1, một số sản phẩm của ngành có tốc độ tăng trưởng khá như: ôtô ước đạt 19,4 nghìn cái, tăng 8,9% so với cùng kỳ; ti vi ước đạt 670,6 nghìn cái, tăng 35,2% so với cùng kỳ. Một số sản phẩm tốc độ tăng trưởng giảm như: điện thoại di động ước đạt 14,2 triệu cái giảm 14,9%.

***4.3. Ngành Công nghiệp nhẹ***

***- Ngành Dệt may:*** Tháng 01, ngành dệt may có tốc độ tăng trưởng khá, chỉ số sản xuất ngành dệt tăng 16% so với cùng kỳ năm 2016; chỉ số sản xuất trang phục tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2016. Một số sản phẩm trong ngành đạt mức tăng trưởng như: Vải dệt từ sợi tự nhiên ước đạt 27,7 triệu m2, tăng 0,9% so với cùng kỳ; sản xuất vải dệt từ sợi tổng hợp và sợi nhân tạo ước đạt 60 triệu m2, tăng 5,4% so với cùng kỳ; quần áo mặc thường ước đạt 313,1 triệu cái. Kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may tháng 1 ước đạt 2,05 tỷ USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ.

***- Ngành Da giầy:*** Tháng 1 năm 2017, sản xuất và xuất khẩu của ngành giảm nhẹ. Chỉ số sản xuất da và các sản phẩm liên quan giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2016; sản lượng giầy, dép da tháng 1 năm 2017 ước đạt 20,8 triệu đôi, giảm 2,8% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu giầy, dép các loại tháng 01 ước đạt 1,2 tỷ USD, giảm 2,3% so với cùng kỳ.

***- Ngành Thuốc lá:*** Cùng với các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, thuốc lá cũng là mặt hàng có nhu cầu tăng cao trong dịp Tết. Tuy nhiên, ngành đã đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường và có mức tồn kho hợp lý. Bên cạnh đó, công tác chống thuốc lá lậu đang được triển khai mạnh mẽ. Chỉ số sản xuất thuốc lá tháng 1 năm 2017 tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2016; sản lượng sản xuất thuốc lá ước đạt 418,9 triệu bao, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

***- Ngành Rượu - Bia - Nước giải khát:*** Sản xuất ngành đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán. Việc chuẩn bị hàng tới các nhà phân phối, bán lẻ đã được hoàn tất từ sớm. Lượng hàng hóa phục vụ Tết năm nay rất đa dạng, phong phú nên người dân có nhiều lựa chọn hơn trong sử dụng sản phẩm đồ uống. Tháng 1 năm 2017, chỉ số sản xuất sản xuất đồ uống tăng 6,4% so với cùng kỳ; lượng bia các loại ước đạt 321,7 triệu lít, tăng 9,2% so với cùng kỳ.

Giá cả các mặt hàng rượu bia ổn định tương đương so với thời điểm cận Tết năm trước.

**II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**

**1. Xuất khẩu hàng hoá**

Kim ngạch xuất khẩu tháng 1 năm 2017 ước đạt 14,6 tỷ USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 4,3 tỷ USD, tăng 2,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 10,2 tỷ USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2016.

***a) Về xuất khẩu các nhóm hàng***

- Kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thuỷ sản ước đạt 1,76 tỷ USD, giảm 1,2% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 13% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó: Rau quả tăng 14,4%, cà phê 3,1%, cao su tăng 82,2%. Một số mặt hàng kim ngạch xuất khẩu giảm như: nhân điều giảm 4,3%, chè các loại giảm 12,8%, gạo giảm 42,6%, hạt tiêu giảm 21,6%.

- Kim ngạch xuất khẩu nhóm nhiên liệu và khoáng sản ước đạt gần 0,3 tỷ USD, tăng 46,5% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 2%, trong đó: hầu hết các mặt hàng trong nhóm đều có KNXK tăng (ngoại trừ mặt hàng quặng và khoáng sản khác giảm 17,1%) mặt hàng than đá tăng 233,1%, dầu thô tăng 51,9%, xăng dầu các loại tăng 41,3%.

- Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 1,63 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng khoảng 79,7%, trong đó một số mặt hàng có kim ngạch tăng trưởng khá so với cùng kỳ như: chất dẻo nguyên liệu tăng 39%, giấy và sản phẩm từ giấy tăng 12,1%, xơ, sợi dệt các loại tăng 12,2%, sắt thép các loại tăng 13,7%, kim loại thường khác và sản phẩm tăng 19,9%, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 26,3%, điện thoại các loại và kinh kiện tăng 10,2%, máy ảnh, máy quay phim và linh kiện tăng 11,7%, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 23,7%... Một số mặt hàng có kim ngạch giảm so với cùng kỳ như: Thức ăn gia súc và nguyên liệu giảm 16,8%; chất dẻo nguyên liệu giảm 25,5%; hóa chất giảm 8,1%, phân bón các loại giảm 25,5%, phương tiện vận tải và phụ tùng giảm 16,7%...

***b) Về giá xuất khẩu:*** So với cùng kỳ, giá bình quân của nhiều mặt hàng tăng mạnh (nhân điều tăng 19,7%, cà phê tăng 30,6%, cao su tăng 69,9%, hầu hết các mặt hàng thuộc nhóm nhiên liệu khoảng sản có giá tăng từ 36-56% (ngoại trừ giá mặt hàng quặng và khoáng sản khác giảm 53,3%). Do tác động tăng giá, KNXK tăng khoảng 243 triệu USD.

***c) Về lượng xuất khẩu:*** Hầu hết các mặt hàng trong nhóm nông lâm thủy sản đều có lượng xuất khẩu giảm (ngoại trừ cao su tăng 7,5%); nhóm nhiên liệu và khoáng sản có hai mặt hàng có lượng xuất khẩu tăng mạnh đó là than đá (tăng 158,1%) và quặng và khoáng sản khác (tăng 78,6%). Các nhóm hàng còn lại không có biến động lớn... Do biến động về lượng làm giảm KNXK khoảng 202 triệu USD.

***d) Về thị trường xuất khẩu***

Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất và vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá. Tốc độ tăng KNXK tháng 1 năm 2017 vào thị trường này đạt 9,5%, chiếm tỷ trọng 22,6,7% tổng KNXK cả nước; Tiếp đến là thị trường Châu Á tăng 12,3%, chiếm 48% tổng KNXK (trong đó thị trường Đông Á tăng 21,8%), thị trường EU tăng 2,2% và chiếm tỷ trọng 20,7% tổng KNXK; Thị trường Trung Quốc tăng 38,6,7%, chiếm tỷ trọng 12,6%. Một số thị trường truyền thống vẫn được giữ vững và tiếp tục phát huy hiệu quả tốt, cũng như từng bước tận dụng các lợi thế của các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Các thị trường xuất khẩu truyền thống trong khu vực ASEAN có mức tăng trở lại.

**2. Về nhập khẩu**

Kim ngạch nhập khẩu tháng 1 năm 2017 ước đạt 14,7 tỷ USD, giảm 13,9% so với tháng 12/2016 và tăng 15,8% so với cùng kỳ.

Trong đó, khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 6,2 tỷ USD, tăng 15,6%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 8,5 tỷ USD, tăng 16%. Tuy giá các nhóm hàng là nguyên liệu đầu vào cho sản xuất trên thị trường thế giới không thấp, nhưng các doanh nghiệp tranh thủ nhập khẩu tích trữ trước kỳ nghỉ Tết nguyên đán để sẵn sàng cho kỳ sản xuất của năm 2017, do vậy đã góp phần làm KNNK tháng 01 cao hơn so với cùng kỳ.

***a) Về nhóm hàng nhập khẩu***

*- Nhóm hàng cần nhập khẩu*, tháng 1 năm 2017 tăng 15,9%. Mặt hàng nhập khẩu tập trung chủ yếu ở nhóm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, đây là dấu hiệu khả quan cho hoạt động sản xuất của năm 2017 ở cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

*- Nhóm hàng cần kiểm soát và hạn chế nhập khẩu* có mức tăng trưởng tương đối cao, lần lượt là 26,5% và 11,8%, trong đó tăng cao ở nhóm hàng tiêu dùng rau quả (54,5%), phế liệu sắt thép (107,9%) và xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi (109,5%)... điều này cũng cần được theo dõi để có biện pháp kiểm soát phù hợp.

Giá hàng hóa nhập khẩu bình quân hầu hết các mặt hàng đều tăng khiến KNNK của nhóm tăng... Trong 20 mặt hàng tính được về giá và lượng thì tác động do giá nhập khẩu tăng đã làm tăng kim ngạch nhập khẩu gần 330 triệu USD, do lượng nhập khẩu tăng đã tăng kim ngạch nhập khẩu 439 triệu USD. Tính chung bù trừ giữa tăng/giảm giá và lượng đã khiến cho KNNK cả nước tăng xấp xỉ 769 triệu USD.

***b)Về thị trường, nhập khẩu***

Nhập khẩu từ châu Á chiếm 79,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất, chiếm 29,2% và tăng 9,3% so với cùng kỳ. Thị trường Hàn Quốc chiếm 17% và tăng 19,3%. Thị trường ASEAN chiếm 14% và tăng 15,5%. Thị trường châu Âu và châu Mỹ chiếm xấp xỉ 8%, tốc độ tăng trưởng của thị trường Châu Mỹ tương đối cao tăng 23,9% so với cùng kỳ năm trước, thị trường Châu Âu tăng 19,7%.

**3. Cán cân thương mại**

Tháng 1 ước nhập siêu 100 triệu USD, bằng 0,6% kim ngạch xuất khẩu, trong đó: khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu 1,86 tỷ USD; khu vực FDI (kể cả dầu thô) xuất siêu 1,76 tỷ USD.

**Đánh giá chung về tình hình nhập khẩu**

- Tháng 1 năm 2017, kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng trưởng 6,8% so với cùng kỳ năm 2016, đây là mức tăng trưởng cao hơn so với mức tăng năm 2016 (tăng 2,8%), riêng trong tháng 1 đã có 4 nhóm hàng có KNXK trên 1 triệu USD, các mặt hàng chủ lực như điện thoại và linh kiện, máy ảnh, máy quay phim…đều có mức tăng trưởng khá, đây là tín hiệu tốt cho sự phục hồi sản xuất của các doanh nghiệp trong năm 2017...

- Nhóm hàng nông sản, thủy sản có mức tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2016, do tháng 1 năm 2017 có hai kỳ nghỉ là Tết dương lịch và Tết nguyên đán, hoạt động xuất khẩu của đa số các doanh nghiệp đều giảm so với tháng trước. Cũng tại thời điểm này, giá nông thủy sản trên thị trường thế giới ở mức thấp nên đã ảnh hưởng giảm KNXK của cả nhóm.

- Giá xuất khẩu của nhiều mặt hàng trong nhóm nhiên liệu và khoáng sản tháng 1 năm 2017 tăng so với cùng kỳ năm 2016 đã góp phần tăng KNXK của cả nhóm.

- Kim ngạch nhập khẩu tháng 1 năm 2017 của nhóm hàng cần nhập khẩu tăng cao, tập trung chủ yếu ở nhóm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, cho thấy tín hiệu khả quan trong hoạt động sản xuất của năm 2017 ở cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

**4. Thị trường trong nước**

Tháng 1 năm nay trùng với 2 dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán nên các thương nhân, doanh nghiệp trong nước tích trữ nguồn hàng từ tháng trước phục vụ thị trường Tết. Nhờ đó, tạo sự ổn định về cung cầu hàng hóa, giá cả các mặt hàng tương đối ổn định, không xuất hiện tình trạng tăng giá đột biến, đảm bảo nguồn hàng hóa phục vụ nhu cầu nhân dân trong dịp Tết, tăng cường kiểm tra thị trường, ngăn chặn xử lý hàng giả, hàng kém chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội tháng 1 tăng cao do nhu cầu mua sắm chuẩn bị tết của người dân vào dịp này tăng, ước tháng 1 đạt 330,3 nghìn tỷ đồng tăng 5,65% so với tháng trước và tăng 9,94% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó: ngành thương nghiệp ước đạt 252,71 nghìn tỷ đồng, tăng 10,88% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 76,51%; ngành khách sạn nhà hàng đạt 37,32 nghìn tỷ đồng, tăng 3,14%, chiếm tỷ trọng 11,3%; du lịch ước đạt 3,34 nghìn tỷ đồng, tăng 30,67%, chiếm tỷ trọng 1,01%; dịch vụ đạt 36,92 nghìn tỷ đồng, tăng 9,29%, chiếm tỷ trọng 11,18% (Phụ lục 9).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tăng do tháng 1 có 02 kỳ nghỉ tết, nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao.

*Về chương trình bình ổn thị trường*

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương, Sở Công Thương các địa phương đã và đang tích cực triển khai công tác chuẩn bị Tết, trong đó chú trọng triển khai Chương trình bình ổn thị trường. Các Sở Công Thương đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh phương án chuẩn bị nguồn hàng; đôn đốc, hỗ trợ các doanh nghiệp và phối hợp chặt chẽ với các sở ngành liên quan trong công tác triển khai thực hiện kế hoạch Tết của địa phương. Theo báo cáo sơ bộ, đến ngày 25 tháng 01 năm 2017 đã có 59/63 tỉnh, thành phố có báo cáo kế hoạch chuẩn bị hàng hóa trong các tháng cuối năm 2016 và Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017; trong đó có 39 địa phương thực hiện Chương trình dự trữ hàng hóa bình ổn thị trường, hầu hết các địa phương chủ trương thực hiện chương trình theo hướng xã hội hóa, không ứng vốn ngân sách. Bên cạnh đó, nhằm đẩy mạnh công tác bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo đảm cân đối cung cầu dịp Tết, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các thành phố lớn đẩy mạnh các hoạt động kết nối các sản phẩm nông sản thực phẩm sạch, an toàn, để đáp ứng nhu cầu của người dân trong dịp cao điểm lễ, Tết.

Nhìn chung thị trường Tết năm nay không có biến động lớn. Mặc dù thời gian cuối năm 2016, giá các mặt hàng nhóm nhiên liệu, năng lượng có xu hướng tăng nhưng do công tác chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết được chuẩn bị khá chu đáo và sớm, cùng với đó thời tiết, dịch bệnh dịp cuối năm 2016 khá ổn định đã hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, nguồn cung hàng thực phẩm dồi dào, đa dạng, giá tương đối thấp nên đã giữ giá hàng hóa thực phẩm những ngày cận Tết tương đối ổn định. Trên thị trường, hàng Việt Nam ngày càng chiếm ưu thế với chất lượng khá tốt và giá cả hợp lý, được người tiêu dùng ưu tiên lựa chọn. Các hàng hóa phục vụ Tết khác như hoa cây cảnh, trái cây, bánh mứt kẹo, đồ uống cũng không có biến động lớn so với cùng kỳ năm trước, nguồn cung ngày càng phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân.

*Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)*

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 1 tăng 0,46% so với tháng 12 năm 2016, trong đó nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (nhóm có tỷ trọng cao nhất và là nhóm thường có biến động lớn trong dịp Tết) giảm 0,24% do mặt hàng thịt lợn giảm trong dịp Tết, rau củ quả được mùa nên giá cũng giảm trong hơn nửa đầu tháng 01; nhóm có mức tăng cao nhất trong cơ cấu CPI tháng 01 là nhóm giao thông (tăng 3,21%) do nhu cầu vận tải tăng dịp Tết và tác động của giá xăng dầu điều chỉnh tăng đầu tháng 01; tiếp đến là nhóm thuốc và dịch vụ y tế (tăng 1,01%) do phí dịch vụ y tế được điều chỉnh tăng trong tháng 01, nhất là tại thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh; các nhóm còn lại chỉ tăng từ 0,17-0,78%, nhóm bưu chính viễn thông tiếp tục giảm 0,15% nhờ các chương trình khuyến mại của các hãng viễn thông.

CPI bình quân tháng 1 tăng 5,22% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó nhóm thuốc và dịch vụ y tế là nhóm tăng cao nhất (tăng 56,97%) do việc điều chỉnh phí dịch vụ y tế theo lộ trình của gần hết các địa phương trong cả nước trong năm 2016 vừa qua và tháng 01 năm 2017; tiếp đến là nhóm giáo dục (tăng 10,35%) do các địa phương cũng điều chỉnh tăng học phí; nhóm giao thông và nhà ở vật liệu xây dựng tăng lần lượt 5,02% và 3,45% do tác động của giá nhóm nhiên liệu năng lượng đang ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2016; các nhóm còn lại chỉ tăng từ 1,06-2,57%, riêng nhóm bưu chính viễn thông tiếp tục giảm 0,8%.

**III. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

**1.Về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 5144/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017, theo đó, tổng số văn bản mà Bộ Công Thương phải trình/ban hành theo thẩm quyền là 38 văn bản, bao gồm: 7 Nghị định, 1 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 30 Thông tư.

Trong Quý I năm 2017, Bộ Công Thương phải trình/ban hành 9 văn bản (bao gồm 1 Nghị định, 8 Thông tư) (Tháng 1/2017: Bộ Công Thương không phải trình/ban hành văn bản nào).

**2. Công tác quản lý thị trường**

Theo báo cáo nhanh, trong tháng 1 năm 2017 lực lượng Quản lý thị trường kiểm tra gần 14.500 vụ, phát hiện xử lý trên 9.000 vụ vi phạm, tổng số thu nộp ngân sách trên 40 tỷ đồng.

**IV. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN TRONG THÁNG 02**

Các doanh nghiệp, các Sở Công Thương và các đơn vị trực thuộc tập trung triển khai nghiêm túcNghị quyết số 01/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP; các nhiệm vụ Chính phủ đã báo cáo tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIV, trong tháng 02 tập trung vào một số nội dung chính sau:

1. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ.

2. Các đơn vị, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước thuộc Bộ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 11476/QĐ-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; tập trung xây dựng Đề án tái cơ cấu lại ngành công nghiệp trình Chính phủ trong quý II năm 2017.

3. Về thị trường trong nước, theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều tiết kịp thời, để đảm bảo phân phối hàng hóa hợp lý giữa các vùng miền, không để tình trạng thiếu hàng hóa xảy ra cục bộ ở một số nơi; tiếp tục đẩy mạnh triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” thông qua khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp tích cực đưa hàng hóa về các vùng nông thôn; vùng sâu; vùng xa, nhằm mở rộng và thiết lập thị trường vững chắc cho hàng hóa sản xuất trong nước.

Triển khai quyết liệt các kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường cao điểm; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giá, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, không đảm bảo an toàn thực phẩm và các hành vi gian lận thương mại.

4. Về xuất khẩu, tập trung xúc tiến thương mại những nhóm hàng có thế mạnh, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, nhất là nhóm hàng nông sản. Các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội, doanh nghiệp đặc biệt quan tâm đến việc triển khai giải pháp mang tính chất trung và dài hạn để xuất khẩu nhóm hàng nông sản, thủy sản có những giải pháp căn cơ, lâu dài, giữ được ổn định; không phụ thuộc quá nhiều vào yếu tố thiên nhiên và các yếu tố bên ngoài. Bên cạnh việc mở rộng thị trường còn phải chú trọng đến điều chỉnh các ngành hàng Việt Nam có lợi thế trên bản đồ thế giới. Quan tâm phát triển hoạt động phân phối, phát triển thương hiệu sản phẩm.

5. Tăng cường phổ biến, hướng dẫn, có giải pháp phù hợp hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả tại các thị trường đã có FTA; chủ động, tích cực trong đàm phán FTA nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu.

6. Các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đặc biệt là công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng rà soát thủ tục, quy trình cấp phép, thực hiện tối đa việc cấp phép trực tuyến đảm bảo đơn giản, công khai, minh bạch.

7. Đẩy nhanh tiến độ thoái vốn, cổ phần hóa và sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ đảm bảo tiến độ, chất lượng theo kế hoạch đề ra.

8. Một số Tập đoàn thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

*- Tập đoàn Điện lực Việt Nam*

Tiếp tục thực hiện các giải pháp để đảm bảo cung ứng điện cho sản xuất cũng như tiêu dùng; phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; điều tiết các hồ chứa thủy điện để đảm bảo đủ nước phục vụ đổ ải, nhu cầu cho hạ du và cung cấp điện vào cuối mùa khô.

*- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam và Tổng công ty Đông Bắc:*

+ Chỉ đạo các đơn vị chế biến, kinh doanh than tập trung tiêu thụ than và nghiên cứu các phương án pha trộn than với than sản xuất tại khu vực Vàng Danh-Uông Bí để giảm tồn kho, đảm bảo mục tiêu cấp đủ than cho hộ.

+ Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tập trung tối đa để sản xuất ra các loại than cục (4a.1, 4a.2, 5a.1, 5b.1, 5b.2) và than cám (1, 2, 3a.1) để giao cho khách hàng trong nước và phục vụ xuất khẩu.

+ Tiếp tục thực hiện công tác môi trường theo kế hoạch để hạn chế tối đa sự cố về môi trường đảm bảo an toàn cho sản xuất.

*- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam*

+ Bám sát diễn biến giá dầu năm 2017 để có giải pháp kịp thời ứng phó với những biến động do giá dầu phục vụ kế hoạch sản xuất; Tiếp tục rà soát, tiết giảm chi phí để giảm giá thành khai thác dầu khí.

- Tối ưu hóa chế độ vận hành nhằm gia tăng sản lượng khai thác từ các mỏ hiện có, khoan thêm, khoan đan dày một số giếng khai thác mới tại các mỏ hiện đang khai thác nhằm đảm bảo sản lượng theo kế hoạch.

- Đẩy nhanh tiển độ để đưa mỏ mới Thỏ Trắng 3 vào khai thác trong năm 2017./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Kinh tế Trung ương;  - Bộ KHĐT;  - VP TƯ Đảng;  - VP Chính phủ;  - UB Kinh tế của Quốc hội;  - Mạng diện rộng VPCP;  - Lãnh đạo Bộ;  - Đảng uỷ Bộ;  - Các Vụ (qua mạng nội bộ);  - Lưu: VT, KH (14). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**      **Cao Quốc Hưng** |